

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 3 -2023.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Phương;
2. Ông Tạ Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 13, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 4, ấp C, xã D, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống bất đồng quan điểm, không

có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân cách nay 01 năm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/12/2012, hiện đang theo sống với chị H. Nay chị H yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Văn T, sinh ngày 28/12/2012, cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Về nợ chung: Chị H trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; anh Lê Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn

cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn. Anh Lê Văn Đ vắng mặt nên không có lời trình bày. Xét về mâu thuẫn chị H cho rằng vợ chồng sống chung không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Qua xác minh được người dân địa phương cho biết chị H và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại anh Đ, chị H không còn ở chung nhà. Xét thấy mâu thuẫn đã đi đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể Đ được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/12/2012. Qua làm việc cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, nên yêu cầu của chị H phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

[5] Về nợ chung: Chị H trình bày không thiếu nợ ai.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 28/12/2012, cho chị Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0007726 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị H và anh Đ biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi chị H, anh Đ cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

Phạm Minh Tuấn